

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch
Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên
Ông Moon Kyung Kang	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên
Ông Seong Moon Jeong	Thành viên

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Tổng Giám đốc,



Woo Young Jo  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

202  
HIN  
DON  
INH  
LC  
ET  
P. F  
TH

Số: 1037/2012/Deloitte-AUDHCM-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 18. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc tại trang 1, Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trần Đình Nghi Hạ  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đặng Thị Lợi  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1529/KTV

11/7/2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>298.077.631.278</b>	<b>323.136.413.494</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>268.941.933.649</b>	<b>318.691.386.671</b>
1. Tiền	111		48.941.933.649	71.691.386.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000.000	247.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>699.964.923</b>	<b>114.292.550</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	699.964.923	114.292.550
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>7.157.350.581</b>	<b>2.806.538.503</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.300.003	2.522.650
2. Trả trước cho người bán	132		2.071.499.788	138.704.499
3. Các khoản phải thu khác	138	7	5.076.550.790	2.665.311.354
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>21.278.382.125</b>	<b>1.524.195.770</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		794.377.769	156.115.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.614.260	3.614.260
3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157	8	20.000.020.820	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		480.369.276	1.364.465.845
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>7.092.299.175</b>	<b>9.264.770.639</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.498.845.330</b>	<b>6.778.407.244</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.273.341.152	3.381.241.174
- Nguyên giá	222		9.566.166.148	9.326.181.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.292.824.996)	(5.944.940.106)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	258.749.036	879.746.768
- Nguyên giá	225		2.483.990.909	2.483.990.909
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.225.241.873)	(1.604.244.141)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	966.755.142	2.517.419.302
- Nguyên giá	228		6.583.348.498	6.495.496.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.616.593.356)	(3.978.077.236)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>572.618.000</b>	<b>572.618.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	572.618.000	572.618.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.020.835.845</b>	<b>1.913.745.395</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.248.310.525	1.312.498.348
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263		360.165.055	209.515.659
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.412.360.265	391.731.388
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>305.169.930.453</b>	<b>332.401.184.133</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 01-CTCK**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.813.320.853</b>		<b>51.482.993.177</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.813.320.853</b>		<b>50.584.095.038</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	400.576.281		644.866.291	
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	334.425.886		1.103.527.799	
3. Chi phí phải trả	316		1.415.393.847		1.768.693.255	
4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	28.174.711.153		45.909.765.272	
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		488.213.686		1.157.242.421	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-		<b>898.898.139</b>	
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	-		400.576.281	
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-		498.321.858	
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>274.356.609.600</b>		<b>280.918.190.956</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>274.356.609.600</b>		<b>280.918.190.956</b>	
1. Vốn điều lệ	411	17	300.000.000.000		300.000.000.000	
2. Lỗ lũy kế	420		(25.643.390.400)		(19.081.809.044)	
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>305.169.930.453</b>		<b>332.401.184.133</b>	



**Woo Young Ki**  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

**Đinh Thị Bình Dương**  
Kế toán trưởng

01/12  
 CH  
 C  
 RACH  
 DE  
 VI  
 C  
 1/11

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 02-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		41.238.583.816	30.056.578.671
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			2.784.297.151	4.299.237.600
- Doanh thu dịch vụ tư vấn			-	309.000.000
- Bảo lãnh phát hành và đại lý IPO			-	200.000.000
- Ủy thác đầu tư			39.940.330	4.614.750
- Doanh thu khác			38.414.346.335	25.243.726.321
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		41.238.583.816	30.056.578.671
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		(29.521.823.510)	(31.749.133.440)
4. Lợi nhuận/(lỗ) gộp từ hoạt động kinh doanh	20		11.716.760.306	(1.692.554.769)
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(18.426.439.168)	(16.521.636.971)
6. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.709.678.862)	(18.214.191.740)
7. Thu nhập khác	31		154.967.126	67.444.155
8. Chi phí khác	32		(6.869.620)	-
9. Lợi nhuận khác	40		148.097.506	67.444.155
10. Lỗ kế toán trước thuế	50		(6.561.581.356)	(18.146.747.585)
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	-	-
12. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
13. Lỗ sau thuế	60		<b>(6.561.581.356)</b>	<b>(18.146.747.585)</b>



**Woo Young Ki**  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

**Đinh Thị Bình Dương**  
Kế toán trưởng

11/01/2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lỗ trước thuế	01	(6.561.581.356)	(18.146.747.585)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.615.509.686	4.468.545.685
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04	(2.508.368.623)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.414.346.335)	(25.168.090.952)
- Chi phí lãi vay	06	143.309.625	217.882.095
3. Lỗ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(42.725.477.003)	(38.628.410.757)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.892.525.121)	17.302.157.135
- (Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(20.024.806.033)	24.969.828.752
- Tăng chi phí trả trước	12	(1.574.074.281)	(446.063.810)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(143.309.625)	(217.882.095)
- Các khoản thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	486.027.253
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(66.360.192.063)</b>	<b>3.465.656.478</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	21	(342.810.878)	(869.750.579)
2. Tiền chi để mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.000.020.820)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(585.672.373)	(645.375.870)
4. Thu lãi tiền gửi	27	35.675.740.780	25.877.308.941
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>14.747.236.709</b>	<b>24.362.182.492</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(644.866.291)	(527.468.736)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(644.866.291)</b>	<b>(527.468.736)</b>
<b>Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(52.257.821.645)</b>	<b>27.300.370.234</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>318.691.386.671</b>	<b>291.391.016.437</b>
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá</b>	<b>61</b>	<b>2.508.368.623</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>268.941.933.649</b>	<b>318.691.386.671</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu từ lãi trong năm không bao gồm số tiền 4.611.722.222 đồng (năm 2010: 1.873.116.667 đồng), là số tiền lãi dự thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải thu.



Woo Young Ki  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Đinh Thị Bình Dương  
Kế toán trưởng



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU B 05-CTCK**

Đơn vị: VND

	Vốn điều lệ VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1/1/2010	300.000.000.000	(935.061.459)	299.064.938.541
Lỗ trong năm	-	(18.146.747.585)	(18.146.747.585)
Tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	(19.081.809.044)	280.918.190.956
Lỗ trong năm	-	(6.561.581.356)	(6.561.581.356)
Tại ngày 31/12/2011	<b>300.000.000.000</b>	<b>(25.643.390.400)</b>	<b>274.356.609.600</b>



Woo Young Ki  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Đinh Thị Bình Dương  
Kế toán trưởng

11/11  
C  
SÁCH  
DE  
VI  
1/17

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 49 người (năm 2010: 47 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC (“Thông tư 162”) nhằm bổ sung cho Thông tư 95/2008/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn về kế toán cho các công ty chứng khoán. Việc áp dụng Thông tư 162 yêu cầu trình bày thêm thông tin trong báo cáo tài chính.

Hai thông tư trên có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và các thuyết minh bổ sung cho việc áp dụng này được trình bày tại thuyết minh số 18. Công ty cũng đã áp dụng Thông tư 162 cho việc trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, giao dịch mua lại trái phiếu chính phủ, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, các khoản nợ, các khoản vay, phải trả trong giao dịch chứng khoán và các khoản phải trả khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

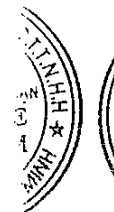
**Năm**

Phương tiện vận tải	4
Thiết bị văn phòng	4

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê trong ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm chứng khoán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

**Các hợp đồng bán lại**

Chứng khoán được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị nội thất văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

10/12/2011  
RAC  
DJ  
V.V.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	8.321.500	25.715.555
Tiền gửi ngân hàng	48.933.612.149	71.665.671.116
<i>Trong đó: Tiền của nhà đầu tư</i>	<i>28.174.711.153</i>	<i>45.909.765.272</i>
Các khoản tương đương tiền	220.000.000.000	247.000.000.000
	<u>268.941.933.649</u>	<u>318.691.386.671</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với thời gian đáo hạn là 3 tháng hoặc thấp hơn với lãi suất từ 13% đến 14% một năm (2010: 9% đến 14%). Tiền gửi ngân hàng bao gồm cả số tiền của nhà đầu tư tại tài khoản ngân hàng của Công ty là 28.174.711.153 đồng (31/12/2010: 45.909.765.272 đồng).

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	699.964.923	114.292.550
	<u>699.964.923</u>	<u>114.292.550</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản lãi cộng dồn dự thu	4.611.722.222	1.873.116.667
Khác	464.828.568	792.194.687
	<u>5.076.550.790</u>	<u>2.665.311.354</u>

**8. GIAO DỊCH MUA BÁN LẠI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ thể hiện giao dịch mua 210.230 trái phiếu chính phủ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Habubank") vào ngày 21 tháng 12 năm 2011 với giá mua là 20.000.020.820 đồng. Công ty sẽ bán lại những trái phiếu này cho Habubank vào ngày 18 tháng 6 năm 2012 với giá bán lại là 21.282.213.936 đồng. Những trái phiếu này có mệnh giá là 100.000 đồng, được phát hành vào ngày 23 tháng 10 năm 2007 và sẽ đáo hạn vào ngày 23 tháng 10 năm 2012 với lãi suất là 7,86%/năm.

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	1.971.878.450	7.354.302.830	9.326.181.280
Tăng	-	254.958.918	254.958.918
Giảm	-	(14.974.050)	(14.974.050)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.971.878.450</u>	<u>7.594.287.698</u>	<u>9.566.166.148</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 1/1/2011	1.351.868.967	4.593.071.139	5.944.940.106
Khấu hao trong năm	492.969.613	1.863.026.221	2.355.995.834
Giảm	-	(8.110.944)	(8.110.944)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.844.838.580</u>	<u>6.447.986.416</u>	<u>8.292.824.996</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<u>127.039.870</u>	<u>1.146.301.282</u>	<u>1.273.341.152</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>620.009.483</u>	<u>2.761.231.691</u>	<u>3.381.241.174</u>

Nguyên giá của thiết bị văn phòng đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.419.717.318 đồng (năm 2010: 0 đồng).

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2011 và 31/12/2011	<u>2.483.990.909</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	1.604.244.141
Khấu hao trong năm	620.997.732
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.225.241.873</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2011	<u>258.749.036</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>879.746.768</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm chứng khoán VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	6.495.496.538
Tăng	<u>87.851.960</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>6.583.348.498</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 1/1/2011	3.978.077.236
Khấu hao trong năm	<u>1.638.516.120</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>5.616.593.356</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2011	<u>966.755.142</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>2.517.419.302</u>

Nguyên giá của phần mềm chứng khoán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.151.543.729 đồng (năm 2010: 0 đồng).

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) ("Mirae Asset Realty"), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Giá gốc của khoản đầu tư là 572.618.000 đồng chiếm 14,99% vốn điều lệ cũng như quyền biểu quyết trong Công ty này. Khoản đầu tư này được hạch toán trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Mirae Asset Realty vẫn đang trong giai đoạn thành lập.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	1.312.498.348	211.149.373
Tăng	1.548.657.628	1.343.076.097
Kết chuyển từ chi phí xây dựng dở dang	-	112.000.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	<u>(612.845.451)</u>	<u>(353.727.122)</u>
Số dư cuối năm	<u>2.248.310.525</u>	<u>1.312.498.348</u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp thu hộ	28.299.774	274.986.914
Thuế thu nhập cá nhân	301.821.927	754.554.110
Thuế thu nhập cá nhân đối với kinh doanh chứng khoán	3.567.557	72.671.209
Thuế khác	<u>736.628</u>	<u>1.315.566</u>
	<u>334.425.886</u>	<u>1.103.527.799</u>

**15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán thể hiện khoản tiền gửi của khách hàng cho việc kinh doanh chứng khoán thông qua tài khoản ngân hàng của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

Vay và nợ dài hạn thể hiện hợp đồng thuê phương tiện vận tải từ Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (VILC). Thời hạn thuê là 60 tháng với lãi suất tiền thuê một năm bằng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cộng 6,85%. Tiền thuê phát sinh được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Khoản nợ thuê tài chính bằng đồng Việt Nam. Khoản thuê này được đảm bảo bởi khoản đặt cọc 250.200.000 đồng.

Các khoản nợ dài hạn do thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	432.851.046	779.134.300	400.576.281	644.866.291
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	430.814.783	-	400.576.281
	<u>432.851.046</u>	<u>1.209.949.083</u>	<u>400.576.281</u>	<u>1.045.442.572</u>
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	32.274.765	164.506.511	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính	<u>400.576.281</u>	<u>1.045.442.572</u>	<u>400.576.281</u>	<u>1.045.442.572</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)			<u>400.576.281</u>	<u>644.866.291</u>
Số phải trả sau 12 tháng			<u>-</u>	<u>400.576.281</u>

**17. VỐN ĐIỀU LỆ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty đã được góp đủ như sau:

	31/12/2011		31/12/2010	
	VND	%	VND	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	147.000.000.000	49,0	147.000.000.000	49,0
Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng P/E	135.900.000.000	45,3	71.400.000.000	23,8
Others	17.100.000.000	5,7	81.600.000.000	27,2
	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>100</u>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2011	2010
	VND	VND
Lỗi trước thuế	(6.561.581.356)	(18.146.747.585)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2.655.218.636)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	709.691.544	1.111.871.185
Lỗi mang sang	<u>(17.285.606.394)</u>	<u>(250.729.994)</u>
Lỗi trước thuế	<u>(25.792.714.842)</u>	<u>(17.285.606.394)</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng là 25.792.714.842 đồng (2010: 17.285.606.394 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ trên do Công ty không chắc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

chấn có đủ lợi nhuận trong tương lai. Khoản lỗ này sẽ được mang sang trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính.

**19. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2011 VND	2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.617.188.887</u>	<u>6.991.430.118</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	5.045.822.522	3.729.869.048
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>15.453.032.594</u>	<u>17.295.839.764</u>
	<u><b>20.498.855.116</b></u>	<u><b>21.025.708.812</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền Công ty phải trả cho việc thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với giá thuê trung bình hàng tháng là 18.952 đô la Mỹ. Các hợp đồng thuê này được ký trong thời hạn từ 1 đến 5 năm. Chi phí thuê được giữ cố định trong suốt thời gian thuê.

**20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp và lỗ lũy kế).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.941.933.649	318.691.386.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.085.850.793	2.667.834.004
Đầu tư ngắn hạn	699.964.923	114.292.550
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	20.000.020.820	-
Ký quỹ ngắn hạn	421.003.276	1.347.465.845
Ký quỹ dài hạn	<u>1.412.360.265</u>	<u>391.731.388</u>
	<u><b>296.561.133.726</b></u>	<u><b>323.212.710.458</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	Giá trị ghi số	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	400.576.281	1.045.442.572
Chi phí phải trả	1.415.393.847	1.768.693.255
Phải trả khác	488.213.686	1.157.242.421
Phải trả trong giao dịch chứng khoán	28.174.711.153	45.909.765.272
	<b>30.478.894.967</b>	<b>49.881.143.520</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do rủi ro tỷ giá chỉ liên quan đến phần tài sản và không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	20.224.684.071	19.832.781.830

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Các khoản vay	400.576.281	-	400.576.281
Chi phí phải trả	1.415.393.847	-	1.415.393.847
Phải trả trong giao dịch chứng khoán	28.174.711.153	-	28.174.711.153
Phải trả khác	<u>488.213.686</u>	-	<u>488.213.686</u>
31/12/2010			
Các khoản vay	644.866.291	400.576.281	1.045.442.572
Chi phí phải trả	1.768.693.255	-	1.768.693.255
Phải trả trong giao dịch chứng khoán	45.909.765.272	-	45.909.765.272
Phải trả khác	<u>1.157.242.421</u>	-	<u>1.157.242.421</u>

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	268.941.933.649	-	268.941.933.649
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.085.850.793	-	5.085.850.793
Đầu tư ngắn hạn	699.964.923	-	699.964.923
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	20.000.020.820	-	20.000.020.820
Ký quỹ ngắn hạn	421.003.276	-	421.003.276
Ký quỹ dài hạn	-	<u>1.412.360.265</u>	<u>1.412.360.265</u>
31/12/2010			
Tiền và các khoản tương đương tiền	318.691.386.671	-	318.691.386.671
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.667.834.004	-	2.667.834.004
Đầu tư ngắn hạn	114.292.550	-	114.292.550
Ký quỹ ngắn hạn	1.347.465.845	-	1.347.465.845
Ký quỹ dài hạn	-	<u>391.731.388</u>	<u>391.731.388</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**Số 91 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

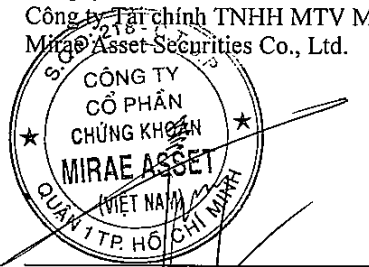
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 <u>VND</u>	2010 <u>VND</u>
<b>Dầu tư dài hạn khác</b>		
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	-	572.618.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2011 <u>VND</u>	31/12/2010 <u>VND</u>
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam)	9.770.986	1.500.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	-	70.000.000
Mirae Asset Securities Co., Ltd.	324.449.014	324.449.014



Woo Young Ki  
Giám đốc điều hành  
Ngày 28 tháng 3 năm 2012

Đinh Thị Bình Dương  
Kế toán trưởng

